TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/11/2018
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Ông Nguyễn Thành Phước

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 234/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bé D, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PH, xã TP, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Mai Văn H, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PH, xã TP, huyện T, tỉnh An Giang.

(Đã được tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Bé D trình bày:*

Chị với anh Mai Văn H chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T vào ngày 06/9/2001. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hòa thuận, hạnh phúc và có 02 con chung tên Mai Văn T1, sinh ngày 04/02/1995 (đã trưởng thành) và con tên Mai Văn L sinh ngày 21/11/2000. Nhưng đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng

thường hay cự cãi rất nhiều năm không thể khắc phục được. Vì 02 con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng để lo cho 02 con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài, không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Mai Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Văn T1, sinh ngày 04/02/1995 (đã trưởng thành) và con tên Mai Văn L sinh ngày 21/11/2000 (hiện cháu L đang sống với chị). Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh Mai Văn H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Mai Văn H*: Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân cũng như không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Mai Văn H có địa chỉ tại ấp PH, xã TP, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Mai Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Mai Văn H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé D với anh Mai Văn H chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T vào ngày 06/9/2001. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bé D, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh H chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Nhưng đến năm 2015 chị D và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cãi rất nhiều năm mà không thể khắc phục được. Vì thương 02 con còn nhỏ nên chị D cố gắng chịu đựng để lo cho 02 con. Nhưng anh H vẫn không thay đổi nên chị D và anh H đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Mặc dù biết chị D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng anh H cũng không đến liên hệ, không có ý định thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D để xây dựng gia đình và nuôi dạy con chung. Về phía anh H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh H, tạo điều kiện cho

anh H hàn gắn tình cảm với chị D nhưng anh H không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị D. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Bé D và anh Mai Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bé D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Bé D và anh Mai Văn H có 02 con chung tên Mai Văn T1, sinh ngày 04/02/1995 (đã trưởng thành) và Mai Văn L sinh ngày 21/11/2000 (hiện cháu L đang sống với chị D). Xét yêu cầu xin nuôi con của chị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: hiện tại cháu Mai Văn L đang được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2018, cháu L cũng thể hiện nguyện vọng được sống cùng với chị D sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Cho nên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Mai Văn L cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị D phải tạo điều kiện cho anh H đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Lê Thị Bé D yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Bé D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé D được ly hôn với anh Mai Văn H.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu Mai Văn L sinh ngày 21/11/2000 (hiện cháu L đang sống với chị D) cho chị Lê Thị Bé D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Mai Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Chị Lê Thị Bé D phải tạo điều kiện cho anh Mai Văn H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết anh Mai Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Lê Thị Bé D và anh Mai Văn H không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Lê Thị Bé D và anh Mai Văn H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Bé D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001281 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Chị Lê Thị Bé D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Mai Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã TP, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm